TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2021/QĐST-DS	*H, ngày 13 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2020/TLST- DSTC ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân B - Thành phố H. Địa chỉ: Số 273, đường N, tổ 07 phường T, Thành phố H, tỉnh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Quốc Chính - Giám đốc.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị L + Ông Trần Quang B. Cùng địa chỉ: Tổ 03 phường Quang T, Thành phố H, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quang B: Bà Trịnh Thị L (Giấy uỷ quyền số 5787, ngày 18 tháng 12 năm 2020).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Tổng số tiền nợ gốc và lãi của bà Trịnh Thị L, ông Trần Quang B với Quỹ tín dụng nhân dân B - Thành phố H, tỉnh Hà Giang theo Hợp đồng tín dụng số 2016-1-00077 ngày 25/6/2016, tính đến ngày 04/5/2021 là 1.700.404.000đ *(Một tỷ bảy trăm triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 1.050.000.000đ *(Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)*; Nợ lãi là 650.404.000đ *(Sáu trăm năm mươi triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng)*.

* Về tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2016-77/HĐTC ngày 25/8/2016, gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất thuộc thửa số 349, tờ bản đồ số 23, diện tích 130m^2 đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 435866 do UBND Thành phố H cấp ngày 17/12/2014 mang tên bà Trịnh Thị L và ông Trần Quang B tại tổ 3 phường Quang T, Thành phố H, tỉnh Hà Giang. Thửa đất có vị trí cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất ông T; Phía Tây giáp đất ông B, bà L *(thửa số 105)*; Phía Nam giáp đường Xuân Thuỷ; Phía Bắc giáp đất ông B, bà L *(thửa số 109)*. Trên đất có nhà xây một tầng không hiên tây mái chảy, tường 110, mái lợp tôn diện tích 23m x 4m; bán mái lợp tôn phía trước nhà rộng 4m x 3,6m.

- Quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 23, diện tích 332,4m^2 đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 435886 do UBND Thành phố H cấp ngày 17/12/2014 mang tên bà Trịnh Thị L và ông Trần Quang B. Thửa đất có vị trí cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất ông B, bà L *(thửa số 349);* Phía Tây giáp đất ông K; Phía Nam giáp đường Xuân Thuỷ; Phía Bắc giáp đất ông B, bà L *(Nhận chuyển nhượng từ nhà H thuộc thửa số 682)*. Trên đất có nhà xây 02 tầng chiều dài 13,5m x rộng 8m, khung bê tông cốt thép chịu lực, tường 220, khuôn cửa kép gỗ nhóm 2, điện chiếu sáng, cách tim đường Xuân Thuỷ 6,2m; 01 tầng hầm để xe có chiều ngang 4m; đằng sau có nhà lợp tôn rộng 8m sâu 6,5m.

* Về giá trị tài sản thế chấp: Giá trị đất và tài sản trên đất hai bên đương sự thống nhất là 2 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp 2016-77/HĐTC ngày 25/8/2016.

* Về phương án trả nợ: Bà Trịnh Thị L, ông Trần Quang B có trách nhiệm trả nợ theo thời gian như sau.

+ Đợt 01: Chậm nhất vào ngày 31/7/2021 trả số tiền 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)* tiền gốc;

+ Đợt 02: Chậm nhất vào ngày 30/9/2021 trả số tiền 550.000.000đ *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)* tiền gốc;

+ Chậm nhất vào ngày 31/12/2021 trả toàn bộ số tiền lãi 650.404.000đ *(Sáu trăm năm mươi triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng)*.

+ Ngày 31/3/2022 bà L, ông B phải trả cho Quỹ số tiền lãi trong hạn phát sinh thực tế đối với số tiền gốc chưa trả theo thoả thuận của hai bên.

Nếu bà L, ông B không thực hiện đúng các thoả thuận nêu trên thì Quỹ tín dụng nhân dân B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bà L, ông B đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quỹ tín dụng nhân dân B Hà Giang tự nguyện chịu tiền chi phí tố tụng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản *(Đã thi hành xong)*.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị L, ông Trần Quang B phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là 31.500.000đ *(Ba mốt triệu năm trăm nghìn đồng)*. Trả lại cho

Quỹ tín dụng nhân dân B Hà Giang số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.600.000đ *(Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H theo biên lai thu số 0002315, ngày 22/10/2020 *(Bùi Phú T nộp thay)*.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPH;
- TAND tỉnh HG
- CC THA DSTPH;
- Lưu HS-BP.

THẨM PHÁN

Vũ Mỹ Lệ